TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HỒNG BÀNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 109/2024/HS-ST Ngày 14-8-2024	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Quốc Hoàng - Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;

Bà Nguyễn Thị Minh Phương - Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Tô Việt Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 108/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Lương Văn T, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2006 tại Nghệ An (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 6 tháng 08 ngày); nơi cư trú: B, xã B, huyện K, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Khơ Mú; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Phò Th và bà Moong Mẹ Th; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14-5-2024, đến ngày 22-5-2024 chuyển tạm giam - Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lương Văn T*: Ông Lương Phò Th (là bố của bị cáo Lương Văn T); địa chỉ: B, xã B, huyện K, tỉnh Nghệ An - Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn T*: Ông Phạm Duy Khoa - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng - Có mặt.

- *Người chứng kiến:* Ông Nguyễn Văn T - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 14/5/2024, tổ công tác Công an phường Hạ Lý kết hợp cùng Công an phường Quán Toan làm nhiệm vụ tại khu vực đầu ngõ 59 Chương Dương, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng phát hiện Lương Văn T có biểu hiện nghi vấn về ma túy. Lực lượng chức năng tiến hành kiểm tra và phát hiện trong lòng bàn tay trái của T 01 gói bọc bằng băng dính nilon màu nâu kích thước 6x7cm, bên trong có 02 gói nilon màu xanh, kích thước 2,5x1cm, đều chứa chất bột màu trắng (nghi là ma túy). Tổ công tác đã đưa T cùng tang vật về trụ sở Công an phường Hạ Lý lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Tiến hành xét nghiệm nước tiểu của T dương tính với chất ma túy Heroine (MOP).

Tại bản Kết luận giám định 594/KL-KTHS ngày 21/5/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: *Chất bột màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,20 gam, loại Heroine (Heroin)*.

Tại Cơ quan điều tra, Lương Văn T khai nhận: Do bản thân nghiện ma túy nên T mua ma túy về để sử dụng. Khoảng 12 giờ ngày 14/5/2024, T đi bộ từ khu vực cầu An Đồng, huyện An Dương đến khu vực đường tàu Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân tìm mua ma túy để sử dụng. Khi đến nơi, T gặp và hỏi mua của 01 người đàn ông không quen biết đi xe mô tô (không rõ biển kiểm soát) 300.000 đồng ma túy Heroine. Người này nhận tiền và điều khiển xe mô tô chở T vào trong ngõ 59 Chương Dương, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng khoảng 100m, bảo T đứng chờ rồi đi vào trong ngõ, sau đó quay ra đưa cho Tuân 01 gói nilon màu nâu. T biết là ma túy nên cầm ở tay trái và đi bộ ra ngoài tìm nơi sử dụng. Khi ra đến đầu ngõ 59 Chương Dương thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang như nội dung nêu trên. Mục đích T mua số ma túy để sử dụng cho bản thân, ngoài ra không có mục đích nào khác.

Lời khai của bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; phù hợp với lời khai của người chứng kiến; Kết luận giám định chất ma túy, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng thu giữ: Số ma túy còn lại sau giám định cùng vỏ bao gói được niêm phong trong bì giấy số 594MT/PC09 chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng.

Tại Cáo trạng số 83/CT-VKSHB ngày 23/7/2024, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng truy tố Lương Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Lương Văn T nhận tội, phù hợp với lời khai tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người chứng kiến, Kết luận giám định, vật

chứng thu giữ và nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng. Bị cáo Lương Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn về hành vi phạm tội, xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Lương Văn T từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bì giấy nguyên niêm phong chứa mẫu vật còn lại và vỏ bao gói sau giám định có dấu niên phong số 594MT/PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng.

Về án phí: Bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Lương Văn T nhất trí với tội danh Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng đã truy tố, về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Tuy nhiên, người bào chữa cho rằng khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đang ở độ tuổi vị thành niên, nhận thức chưa đầy đủ về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc Khơ Mú, sinh ra và lớn lên tại khu vực miền núi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, giáp biên giới nước Lào, trình độ văn hóa thấp, nhận thức lạc hậu nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm m khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi xem xét quyết định hình phạt, cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp hơn mức khởi điểm do Viện Kiểm sát đề nghị để bị cáo có cơ hội cải tạo tốt và sớm trở về hòa nhập cộng đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị cáo nhất trí với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo.

Bị cáo Lương Văn T nhất trí với ý kiến phát biểu của người bào chữa cho bị cáo, không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên, phần lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo được Hội đồng xét xử ghi nhận, xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Lương Văn T tại khu vực ngõ 59 Chương Dương, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch cụ thể, Vì vậy, cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về sự vắng mặt của người chứng kiến:* Tại phiên tòa, người chứng kiến là ông Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do. Xét thấy, người chứng kiến đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, Kiểm sát viên đều đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người chứng kiến. Xét thấy, người chứng kiến đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của người chứng kiến không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ 296 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người chứng kiến.

- *Về nhận định các tình tiết của vụ án:*

[3] *Về tội danh:*

[3.1] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người chứng kiến, Kết luận giám định, vật chứng thu giữ được, lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 14/5/2024, tại khu vực đầu ngõ 59 Chương Dương, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, lực lượng chức năng đã kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang Lương Văn T

có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy, mục đích để sử dụng cho bản thân, ngoài ra không có mục đích nào khác.

[3.2] Tại Bản Kết luận giám định số 594/KL-KTHS ngày 21/5/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: *Chất bột màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,20 gam, loại Heroine (Heroin)*.

[3.3] Hành vi nêu trên của Lương Văn T đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[4] *Về tình tiết định khung hình phạt:* Bị cáo có hành vi tàng trữ trái phép ma túy 0,20 gam, loại Heroine (Heroin) nên phải chịu tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, vi phạm Luật Phòng, chống ma túy ngày 30-3-2021, mà còn là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác gây mất trật tự an toàn xã hội. Đây là tệ nạn xã hội gây tâm lý bức xúc trong quần chúng nhân dân nên phải xem xét, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Do đó, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[6] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn về hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người dân tộc Khơ Mú, bản thân sinh ra và lớn lên tại B, xã B, huyện K, tỉnh Nghệ An (huyện miền núi, giáp biên giới nước Lào, là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn), trình độ văn hóa thấp (6/12), nhận thức còn hạn chế nên xác định bị cáo phạm tội do lạc hậu. Do đó, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm trách nhiệm hình sự phạm tội do lạc hậu theo quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[7] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- *Về hình phạt:*

[8] *Về hình phạt chính:* Trên cơ sở xem xét khối lượng ma túy; đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, mục đích của hình phạt, nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội. Xét thấy, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm đến chế độ thống nhất quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy và các loại thuốc gây nghiện,

xâm phạm trật tự, an toàn xã hội. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù thích hợp mới đảm bảo quy định của pháp luật nhằm trừng trị người phạm tội, giáo dục họ có ý thức tuân theo pháp luật, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới và đấu tranh phòng ngừa chung. Tuy nhiên, tại thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi (17 tuổi 6 tháng 08 ngày) nên việc xử lý đối với hành vi phạm tội của bị cáo phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Khi phạm tội thì bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội thuộc trường hợp từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên mức hình phạt tù có thời hạn cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định. Mặt khác, căn cứ nguyên tắc xử lý của pháp luật hình sự cần khoan hồng đối với người thành khẩn khai báo, ăn năn về hành vi phạm tội; phạm tội do lạc hậu. Do vậy, áp dụng hình phạt như đề nghị của Viện Kiểm sát là có cơ sở.

[9] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo không có việc làm ổn định, không có căn cứ xác định bị cáo có tài sản riêng. Tại thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Viện Kiểm sát là có cơ sở.

[10] *Về quan điểm của người bào chữa cho bị cáo:* Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo cho rằng khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đang ở độ tuổi vị thành niên, nhận thức chưa đầy đủ về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc Khơ Mú, sinh ra và lớn lên tại khu vực miền núi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, giáp biên giới nước Lào, trình độ văn hóa thấp, nhận thức lạc hậu nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm m khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi xem xét quyết định hình phạt, cho bị cáo hưởng mức án thấp hơn mức khởi điểm do Viện Kiểm sát đề nghị để bị cáo có cơ hội cải tạo tốt và sớm trở về hòa nhập cộng đồng. Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo có một phần căn cứ, bởi lẽ: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại khu vực miền núi, trình độ văn hóa thấp, giáp biên giới nước Lào, thông tin còn nhiều hạn chế…như đã phân tích tại mục [6] nên xác định bị cáo phạm tội do lạc hậu theo quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về quan điểm của người bào chữa cho rằng bị cáo là người dân tộc Khơ Mú, sinh ra và lớn lên tại khu vực miền núi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ, bởi lẽ: Hội đồng xét xử đã xem xét, đánh giá toàn diện các vấn đề người bào chữa đã nêu để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Phạm tội do lạc hậu" đối với bị cáo. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ tránh nhiệm hình sự của bị cáo để áp dụng hình phạt ở mức dưới khởi điểm theo đề nghị của Viện Kiểm sát là chưa có căn cứ bởi lẽ: Bị cáo

thực hiện hành vi phạm tội nghiêm trọng, khi xem xét đề nghị hình phạt đối với bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát đã xem xét, cân nhắc nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội...Việc áp dụng hình phạt như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo là không đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[11] *Về xử lý vật chứng*: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bì giấy nguyên niêm phong chứa mẫu vật còn lại và vỏ bao gói sau giám định có dấu niên phong số 594MT/PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng do liên quan đến hành vi phạm tội.

[12] *Về các vấn đề khác:* Đối với người đàn ông bán ma túy cho Lương Văn T tại khu vực ngõ 59 Chương Dương, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch cụ thể, Vì vậy, cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau là có căn cứ.

[13] *Về án phí và quyền kháng cáo đối với bản án*:

[13.1] Bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[13.2] Người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101; điểm m, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lương Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt: Bị cáo Lương Văn T 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 14-5-2024.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bì giấy nguyên niêm phong chứa mẫu vật còn lại và vỏ bao gói sau giám định có dấu niên phong số 594MT/PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng do liên quan đến hành vi phạm tội.

(Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Công an quận Hồng Bàng và Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng ngày 25-7-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng).

- Về án phí: Do bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn án phí cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phi và lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án để bảo vệ lợi ích của bị cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP.Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- PV 06 Công an TP. Hải Phòng;
- CA quận Hồng Bàng;
- Cơ quan THAHS Công an quận Hồng Bàng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Chung